TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2018
V/v ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Trực**
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Nguyễn Hồng Lành**
Bà **Dương Thị Tú Phương**
Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc ***"Ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con "*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: chị **Huỳnh Mỹ D** – sinh năm 1986 *(Có mặt)*
Địa chỉ: ấp 9A, xã P T T B , huyện P L, tỉnh Bạc Liêu.
- Bị đơn: A **Hứa Hoàng T**- sinh năm 1982 *(có mặt)*
Địa chỉ: ấp 9A, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI D VỤ ÁN:

Chị Huỳnh Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị D và A T tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ tháng 01/2006 âm lịch, hôn nhân tự nguyện. Chị D và A T có đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã P T T B. Cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, chị D chơi mạng xã hội A T ghen tuông dẫn đến thường xuyên cãi vả nhau, mặc khác A T có hành vi bạo lực gia đình đối với chị D, A T đánh chị nhiều lần; ly T từ ngày 16/9/2017 đến nay. Nay chị D nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị D yêu cầu ly hôn với A T.

Về con chung: quá trình sống chung, chị D và A T có hai người con chung là cháu Hứa Huỳnh N, sinh ngày 30/11/2006 và cháu Hứa Hoàng A, sinh ngày 12/8/2009. Tại phiên tòa, chị D xác định hiện tại chị đang nuôi hai con chung, khi

ly hôn chị D yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu A T cấp dưỡng nuôi cháu N, cháu Hoàng A theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: chị D xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn A Hứa Hoàng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: A T thống nhất lời trình bày của chị D về thời điểm sống chung, ngày đăng ký kết hôn và ngày ly T. Nay A còn tình cảm với vợ và mong muốn được hàng gắn lại hôn nhân. A T không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Chúng tôi có hai người con chung tên Hứa Huỳnh N, sinh ngày 30/11/2006 và cháu Hứa Hoàng A, sinh ngày 12/8/2009 cả hai cháu đang sống chung với chúng tôi. Khi ly hôn tôi đồng ý giao hai con cho D nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: thống nhất với chị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự gồm nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội D: chị D và A T đám cưới và sống chung từ tháng 01/2006 âm lịch. A chị có đăng ký kết hôn theo quy định vì vậy hôn nhân giữa chị D với A T là hôn nhân hợp pháp. Chị D xác định A T thường xuyên bạo lực gia đình đã rất nhiều lần đánh chị D và tại phiên tòa hôm nay A T cũng đã thừa nhận, A T đã nổ lực cố gắng hàng gắn lại hôn nhân tuy nhiên chị D không chấp nhận, cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa chị D và A T đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D yêu cầu ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị D ly hôn với A T. Về con chung, A T thống nhất để chị D tiếp tục nuôi hai cháu Hứa Huỳnh N, sinh ngày 30/11/2006 và cháu Hứa Hoàng A, sinh ngày 12/8/2009 và đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật. Mặc khác đây cũng là nguyện vọng của cháu N và cháu A yêu cầu được sống cùng mẹ. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên đề nghị ghi nhận. Về tài sản các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Chị D yêu cầu ly hôn và nuôi con chung với A T; A T đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 9A, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị D và A T tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ tháng 01/2006 âm lịch, hôn nhân tự nguyện. Chị D và A T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 20/8/2010. Vì vậy hôn nhân giữa chị D và A T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị D xác định giữa chị và A T thường hay cải vả, A T có hành vị bạo lực gia đình là thường xuyên đánh đập chị, A T đã làm chị tổn thương rất nhiều lần mà chị không thể tha thứ được. A T cũng đã thừa nhận do quá thương vợ nên có hành động N ghen tuông và đánh vợ, nay A thật sự biết lỗi và xin hứa sẽ sửa chữa, hiện nay A rất mong được vợ tha thứ để hàng gắn lại hôn nhân. Tại phiên tòa hôm nay A trình bày từ ngày hòa giải đến nay A đã rất nhiều lần gặp chị D nan nĩ chị D tha thứ và sống chung vợ chồng Nng chị D không chấp nhận.

Xét thấy A T đã nổ lực cố gắng để hàng gắn lại hôn nhân tuy nhiên chị D không chấp nhận và cương quyết yêu cầu ly hôn từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị D và A T đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị D kiên quyết ly hôn với A T. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở cho chị D ly hôn với A T là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 56 luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: A T thống nhất để chị D tiếp tục nuôi hai cháu Hứa Huỳnh N, sinh ngày 30/11/2006 và cháu Hứa Hoàng A, sinh ngày 12/8/2009 và đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật và đây cũng phù hợp nguyện vọng của cháu N và cháu A yêu cầu được sống cùng chị D. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị D phải nộp 300.000đ, chị D đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010409 ngày 04/12/2017. nên được chuyển thu án phí.

Buộc A T nộp 150.000đ án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Mỹ D được ly hôn với A Hứa Hoàng T.

2. Về quan hệ con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chị D đang quản lý, nuôi dưỡng cháu Hứa Huỳnh N, sinh ngày 30/11/2006 và cháu Hứa Hoàng A, sinh ngày 12/8/2009 cho chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Buộc A T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Hứa Huỳnh N, sinh ngày 30/11/2006 và cháu Hứa Hoàng A, sinh ngày 12/8/2009 mỗi cháu là 650.000đ/tháng/cháu cho đến khi cháu N, cháu Hoàng A tròn 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/02/2018).

3. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị D phải nộp 300.000đ, chị D đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010409 ngày 04/12/2017. nên được chuyển thu án phí.

Buộc A T nộp 150.000đ án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trung Trực